TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN IA PA** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/DS-ST
Ngày 29/5/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA PA - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nay Phen.
2. Ông Phùng Tiến Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Trâm -Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2025/TLST-DS, ngày 28 tháng 02 năm 2025, về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXX-ST, ngày 15 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số 06/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị B, sinh năm 1972; địa chỉ: 15 Đ, tổ 8, phường Đ, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Võ Thị B1, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn Plơi A, xã Chư M, huyện I, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Trương Văn L, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn Plơi Apa A, xã Chư M, huyện I, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 17/02/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hồ Thị B trình bày:

Vào năm 2016, bà Võ Thị B1 nhiều lần vay tiền của bà với tổng số tiền 146.000.000đ (một trăm bốn mươi sáu triệu đồng), lãi suất hai bên thoả thuận 1%/tháng nhưng không ghi vào giấy vay tiền. Khi vay số tiền trên bà B1 nói để mua đất làm nhà, làm sổ đỏ, mua nhà máy xay sát lúa. Ngày 08/12/2020 bà B1 viết "Giấy vay mượn tiền" có nội dung "tôi tên Võ Thị B1, chồng Trương Văn L, tôi có vay mượn tiền của bà Hồ Thị B số tiền là 146.000.000 đồng, tôi hứa hoàn trả lại số tiền đã mượn như đã nói ở trên nếu bà Hồ Thị B đòi lại", giấy vay tiền chỉ có chữ ký của bà Võ Thị B1. Từ khi vay cho đến nay bà B1 đã trả lãi cho bà đầy đủ đến hết năm 2020, từ ngày 01/01/2021 đến nay bà B1 không chịu trả nợ gốc và lãi cho bà. Bà đã nhiều lần gặp bà B1 để đòi tiền nhưng bà B1 cứ hứa hẹn, không chịu trả. Ngày 21/01/2023 bà B1 viết "Giấy hẹn nợ" có nội dung: "Tôi Võ Thị B1 ở tại xã Chư M, huyện I có nợ tiền B hẹn cuối tháng 6 âm lịch sẽ trả lại gốc, nếu không trả sẽ chịu hoàn toàn trước pháp luật". Đến hạn bà B1 vẫn không chịu trả nợ nên bà đã làm đơn khởi kiện. Vào ngày 04/12/2024 tại Toà án nhân dân huyện Ia Pa bà Võ Thị B1 viết Bản cam kết trả nợ với nội dung: "Tôi cam kết có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị B số tiền 146.000.000 đồng nợ gốc và nợ lãi 34.000.000 đồng, tổng cộng là 180.000.000 đồng (một trăm tám chục triệu đồng chẵn), trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 6.000.000 đồng, trả vào ngày 28 hàng tháng cho đến khi hết nợ. Nếu tôi không chấp hành đúng hẹn bà Hồ Thị B có quyền kiện lại tôi... ngoài ra mỗi tháng tôi sẽ trả tiền lãi 1%/tháng cho bà Biết". Do tin tưởng bà B1 sẽ thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng cam kết nêu trên nên bà B đã có đơn xin rút đơn khởi kiện, tuy nhiên từ ngày 04/12/2024 cho đến nay bà B1 chỉ trả được 13.000.000 đồng, còn nợ số tiền 167.000.000 đồng sau đó thì không trả nữa. Do đó bà B tiếp tục làm đơn khởi kiện bà B1 để đòi nợ.

Tại phiên toà, bà Hồ Thị B yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Võ Thị B1 phải trả một lần hết số tiền còn nợ là 167.000.000 đồng (một trăm sáu mươi bảy triệu đồng) theo Bản cam kết trả nợ ngày 04/12/2024. Ngoài yêu cầu nêu trên bà B không có yêu cầu gì thêm.

2. Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn bà Võ Thị B1 trình bày:

Bà Võ Thị B1 thừa nhận đã nhiều lần vay tiền của bà Hồ Thị B với tổng số tiền 146.000.000 đồng, lãi suất hai bên thoả thuận là 1%/tháng như bà B trình bày là đúng. Việc bà B1 vay tiền của bà B thì ông Trương Văn L là chồng bà B1 không biết, không tham gia bởi vì trong thời gian này giữa bà B1 và ông L mâu thuẫn, sống ly thân, ông L bỏ nhà vào Sài Gòn làm công nhân nhiều năm nay không thấy về nhà. Bà B1 xác nhận khoản nợ trên là nợ riêng của bà, không có liên quan gì đến ông L. Từ khi vay cho đến nay bà B1 đã trả lãi đầy đủ cho bà B đến hết năm 2020. Sau đó bà gặp khó khăn về kinh tế nên không tiếp tục trả được nợ cho bà B. Bà B1 xác nhận vào ngày 04/12/2024 tại Toà án nhân dân huyện Ia Pa bà có viết Bản cam kết trả nợ cho bà B số tiền gốc 146.000.000 đồng và 34.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng 180.000.000 đồng, mỗi tháng trả 6.000.000

đồng, trả vào ngày 28 hàng tháng. Bà B1 đã trả được 13.000.000 đồng, còn nợ 167.000.000 đồng như bà B khởi kiện là đúng, bà không có ý kiến gì. Quá trình giải quyết vụ án do khó khăn về kinh tế nên bà B1 xin trả dần hàng tháng số tiền còn nợ nhưng bà B không đồng ý.

Nay bà Hồ Thị B khởi kiện yêu cầu bà phải trả số tiền còn nợ 167.000.000 đồng (một trăm sáu mươi bảy triệu đồng) theo Bản cam kết trả nợ ngày 04/12/2024 thì bà Võ Thị B1 cũng đồng ý, bà B1 xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

** Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Trương Văn L (là chồng bà Võ Thị B1):* Quá trình giải quyết vụ án ông Trương Văn L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không hợp tác, không đến Tòa án làm việc, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó Toà án không thu thập được lời khai, ý kiến của ông Trương Văn L về vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa được thực hiện đầy đủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành và thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Trương Văn L chưa chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Lễ.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị B, buộc bị đơn bà Võ Thị B1 phải trả cho bà Hồ Thị B số tiền 167.000.000 đồng.

Về án phí: Buộc bị đơn bà Võ Thị B1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Hồ Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Hồ Thị B khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Võ Thị B1 có địa chỉ tại Thôn Plơi A, xã Chư M, huyện I, tỉnh Gia Lai phải trả số tiền 167.000.000 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, xét thấy việc giải quyết vụ án có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của ông Trương Văn L. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Ia Pa đã có thông báo và đưa ông L vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là "Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án" là đúng quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc triệu tập và xét xử vắng mặt đương sự:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trương Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông L là đúng quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn bà Võ Thị B1 thừa nhận vào năm 2016 đã nhiều lần vay tiền của bà Hồ Thị B với tổng số tiền 146.000.000 đồng, lãi suất hai bên thoả thuận 1%/tháng. Ngày 04/12/2024 tại Toà án nhân dân huyện Ia Pa, bà B1 viết Giấy cam kết trả nợ cho bà B số tiền 146.000.000 đồng nợ gốc và 34.000.000 đồng nợ lãi, tổng cộng 180.000.000 đồng, bà B1 đã trả được 13.000.000 đồng, còn nợ 167.000.000 đồng. Nay bà B khởi kiện yêu cầu bà B1 phải trả số tiền còn nợ 167.000.000 đồng thì bị đơn cũng đồng ý. Xét thấy, việc các đương sự thừa nhận về các nội dung, sự việc nêu trên là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, do đó đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại Giấy vay mượn tiền ngày 08/12/2020 bà Võ Thị B1 xác nhận có vay của bà Hồ Thị B số tiền 146.000.000 đồng. Tại Bản cam kết trả nợ ngày 04/12/2024 bà B1 cam kết trả cho bà B số tiền 146.000.000 đồng nợ gốc và 34.000.000 đồng nợ lãi, tổng cộng 180.000.000 đồng, trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 6.000.000 đồng, trả vào ngày 28 hàng tháng cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên, sau đó bà B1 chỉ trả được cho bà B số tiền 13.000.000 đồng, còn nợ 167.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thống nhất về số tiền gốc và tiền lãi còn nợ, không có tranh chấp và yêu cầu gì thêm. Nguyên đơn

bà Hồ Thị B cũng chỉ yêu cầu bị đơn bà Võ Thị B1 phải trả số tiền còn nợ 167.000.000 đồng theo Bản cam kết trả nợ ngày 04/12/2024, bị đơn bà Võ Thị B1 cũng thừa nhận hiện còn nợ bà B số tiền 167.000.000 đồng là đúng, do khó khăn về kinh tế nên không tiếp tục trả nợ được cho bà B. Xét thấy, giao dịch vay tài sản được xác lập giữa bà Hồ Thị B và bà Võ Thị B1 là hoàn toàn tự nguyện, hình thức, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên.

Tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn,...trừ trường hợp có thoả thuận khác"*. Tại Giấy cam kết trả nợ ngày 04/12/2024 bà B1 cam kết trả nợ cho bà B tổng số tiền 180.000.000 đồng hàng tháng, mỗi tháng trả 6.000.000 đồng, tuy nhiên đến nay bà B1 mới chỉ trả được 13.000.000 đồng, còn lại không trả nữa, bà B đã đi đòi nhiều lần nhưng bà B1 không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, hai bên cũng không có thoả thuận nào khác. Do đó, bà Hồ Thị B khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị B1 phải trả số tiền còn nợ là 167.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[2.3] Về trách nhiệm trả nợ: Căn cứ vào Giấy vay tiền ngày 08/12/2020, Giấy cam kết trả nợ ngày 04/12/2024 và tại phiên toà bà Hồ Thị B chỉ yêu cầu bà Võ Thị B1 phải trả nợ. Xét thấy giấy vay mượn tiền nêu trên chỉ có chữ ký của bà Võ Thị B1, không có chữ ký của ông Trương Văn L. Quá trình giải quyết vụ án cả nguyên đơn và bị đơn đều xác định việc vay mượn tiền giữa nguyên đơn và bị đơn thì ông L là chồng bà B1 không biết và không tham gia; bản thân bà B1 cũng xác định đây là khoản nợ của riêng bà, không liên quan gì đến ông L. Do đó, HĐXX không có căn cứ buộc ông Trương Văn L phải có trách nhiệm cùng bà Võ Thị B1 trả nợ cho bà Hồ Thị B.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị B. Buộc bị đơn bà Võ Thị B1 phải trả cho bà Hồ Thị B số tiền 167.000.000 đồng.

[3] Đối với ý kiến của bị đơn bà Võ Thị B1 xin trả dần số tiền còn nợ là 167.000.000 đồng cho bà Hồ Thị B hàng tháng, mỗi tháng trả 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên ý kiến của bà B1 không được bà B đồng ý nên không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm của vụ án là 8.350.000 đồng. Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà Võ Thị B1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền 8.350.000 đồng.

Nguyên đơn bà Hồ Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Hồ Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.500.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003900 ngày 28/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Pa.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Pa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 96, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 274, Điều 275, Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị B đối với bà Võ Thị B1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Võ Thị B1 phải trả cho bà Hồ Thị B số tiền 167.000.000 đồng (một trăm sáu mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc bà Võ Thị B1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền 8.350.000 đồng (tám triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Hồ Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003900 ngày 28/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Pa.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo đối với đương sự có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Pa;
- Các đương sự;
- Phòng GĐKT TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS huyện Ia Pa;
- Lưu HS/VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Thắng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Phùng Tiến Hồng **Nay Phen** **Lê Văn Thắng**